

## ẨN DỤ Ý NIỆM MIỀN “DỤNG CỤ NHÀ BẾP” TRONG TỤC NGỮ CỦA NGƯỜI VIỆT

Liêu Thị Thanh Nhân

Khoa Việt Nam học, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế

Email: lieuthithanhnhan@gmail.com

Ngày nhận bài: 29/7/2019; ngày hoàn thành phản biện: 13/8/2019; ngày duyệt đăng: 02/10/2019

### TÓM TẮT

Thông qua khảo sát và phân tích từ ngữ thuộc miền “dụng cụ nhà bếp” trong tục ngữ của người Việt theo lí thuyết ẩn dụ ý niệm của ngôn ngữ học tri nhận, chúng tôi đã xác lập tám mô hình ẩn dụ ý niệm. Kết quả nghiên cứu cho thấy, các từ ngữ loại này trong tục ngữ của người Việt đã ánh xạ đến các miền đích khác nhau. Đồng thời, chúng tôi cũng đã chỉ ra mối quan hệ giữa ngôn ngữ học tri nhận với tư duy của người Việt trong việc ý niệm hóa các từ ngữ thuộc miền “dụng cụ nhà bếp”.

**Từ khóa:** Ngôn ngữ học tri nhận, ẩn dụ ý niệm, dụng cụ nhà bếp, tục ngữ

### I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tục ngữ là thành phần không thể thiếu trong việc thể hiện tư duy, tình cảm và kinh nghiệm sống quý báu của con người. Mỗi quốc gia đều có sự khác nhau về điều kiện tự nhiên, địa lí, văn hóa và lịch sử phát triển. Do đó, tục ngữ trong mỗi ngôn ngữ cũng sẽ chứa đựng những đặc sắc dân tộc và đặc trưng văn hóa sâu đậm riêng. Cho nên chúng đã trở thành đối tượng hết sức hấp dẫn đối với các nhà nghiên cứu ngôn ngữ học.

Ẩn dụ đã trở thành một khu vực khảo sát chính của ngữ nghĩa học tri nhận. Trên tất cả, ẩn dụ là một cơ chế hạng nhất dành cho việc “*nhìn một sự vật này thông qua từ ngữ chỉ sự vật khác*” [2; tr. 298]. Vào những năm 1980 đã có một sự quan tâm nghiên cứu rộng rãi về ẩn dụ, nhưng lực đẩy chủ yếu của sự quan tâm này lại đến từ George Lakoff và Mark Johnson với *Metaphors We Live by (Chúng ta sống cùng các ẩn dụ)* (1980) [9], một ấn phẩm nền tảng trong ngữ nghĩa học tri nhận. Nó được xem như là sự mở đường cho một thế hệ các nhà ngôn ngữ học mới. Trong tác phẩm của mình, hai tác giả đã đưa ra quan niệm mới về bản chất và chức năng của ngôn ngữ học tri nhận nói chung, ẩn dụ tri nhận nói riêng là nghiên cứu cách con người nhìn và nhận biết thế giới

*Ẩn dụ ý niệm miền “dụng cụ nhà bếp” trong tục ngữ của người Việt*

qua lăng kính ngôn ngữ và văn hóa dân tộc. Điều này đã tạo tiền đề cho ngôn ngữ học tri nhận có những bước phát triển mới về lượng và chất. Ở Việt Nam hiện nay, các công trình vận dụng lí thuyết ngôn ngữ học tri nhận để nghiên cứu tiếng Việt có thể nói là rất nhiều. Tuy nhiên, miền nguồn trong các công trình nghiên cứu này chủ yếu liên quan đến bộ phận cơ thể người, thực vật, động vật, v.v mà ít đề cập đến miền nguồn “đồ vật”. Qua khảo sát, chúng tôi thấy có một vài nghiên cứu có điểm qua miền nguồn “đồ vật”, chẳng hạn: trong bài nghiên cứu “*Ẩn dụ ý niệm trong bài thơ Tràng Giang của Huy Cận*”, tác giả Đồng Thủy Thảo (2017) đã nhắc đến mô hình ẩn dụ ý niệm là CON NGƯỜI LÀ ĐỒ VẬT từ các biểu thức ngôn ngữ giàu hình ảnh trong bài thơ Tràng Giang của Huy Cận [6]; tương tự, trong bài nghiên cứu “*Miền ý niệm sông nước trong tri nhận của người Nam Bộ*”, tác giả Trịnh Sâm (2013) đã chỉ ra rằng các từ ngữ được sử dụng trong văn hóa rượu của người dân Nam Bộ được xây dựng dựa vào các từ ngữ thuộc miền ý niệm sông nước, ví dụ: “*uống tới bến, quắc cần câu, chúi lái, say chúi mũi, v.v*”[5]; Luận án Tiến sĩ “*Ẩn dụ ý niệm miền đồ ăn trong tiếng Việt*” của tác giả Nguyễn Thị Bích Hợp (2015) cũng đã đề cập đến một số từ chỉ “đồ vật” thuộc miền đồ ăn như: *bát, mâm, thìa*, v.v.[3]

Nghiên cứu ngôn ngữ cho thấy, sự tồn tại của một ngôn ngữ bất kỳ đều được quyết định bởi chức năng giao tiếp của nó trong hoạt động xã hội. Từ ngữ thuộc miền nguồn “đồ vật” được sử dụng nhiều trong kho tục ngữ tiếng Việt nên sẽ gây khó khăn cho những ai đang học tập và nghiên cứu loại ngôn ngữ này. Do đó, việc vận dụng lí thuyết ngôn ngữ học tri nhận để phân tích các từ ngữ thuộc miền “đồ vật” trong tục ngữ tiếng Việt là hết sức cần thiết. Tuy nhiên, trong khuôn khổ của một bài báo, chúng tôi chỉ giới hạn nghiên cứu “*Ẩn dụ ý niệm miền “dụng cụ nhà bếp” trong tục ngữ của người Việt*”.

Ngữ liệu mà chúng tôi sử dụng để nghiên cứu là 120 câu tục ngữ có từ ngữ thuộc miền “dụng cụ nhà bếp” được thống kê từ một bộ công trình có uy tín hiện nay tại Việt Nam, đó là công trình của Nguyễn Xuân Kính và cộng sự (2002), *Kho tàng tục ngữ người Việt (Tập 1)*, Nxb Văn hóa Thông tin [15] và Nguyễn Xuân Kính và cộng sự (2002), *Kho tàng tục ngữ người Việt (Tập 2)*, Nxb Văn hóa Thông tin.[16].

## II. NỘI DUNG

### 1. Cơ sở lí luận

#### 1.1. Khái niệm về từ ngữ chỉ “đồ vật”

Theo tác giả Hoàng Phê (2015), “đồ vật” chính là “*đồ đạc, vật dụng*”. Trong đó, “*đồ*” là *vật do con người tạo ra để dùng vào một việc cụ thể nào đó trong đời sống hằng ngày*, “*vật*” là *cái có hình khối, tồn tại trong không gian và có thể nhận biết được*. [12, tr.442].

Theo từ điển Oxford (2006), từ “đồ vật” trong tiếng Việt được hiểu tương ứng với nghĩa gốc của ba từ là: “*article (một vật phẩm hoặc một đối tượng cụ thể), things (đồ dùng cá nhân hoặc quần áo), object (vật chất có thể nhìn thấy và chạm vào)*” trong tiếng Anh. [14].

“Đồ vật” là những vật dụng được gọi tên theo một ký hiệu ngôn ngữ nhất định. Các nhà ngôn ngữ học cho rằng, tên gọi của chúng vừa có tính chất khu biệt của tín hiệu, vừa mang bản chất vô đoán. Những ký hiệu tên gọi riêng của mỗi “đồ vật” cũng thể hiện được cách nhìn về thế giới “đồ vật” của con người. [1, tr.20].

Như vậy, bằng cách này hay cách khác, các nhà ngôn ngữ học cũng đã đưa ra khái niệm về “đồ vật”. Tuy cách diễn đạt của họ có khác nhau nhưng bản chất là như nhau. Từ các khái niệm trên, chúng ta có thể dễ dàng hiểu được “đồ vật” là vật có hình khối cụ thể tồn tại trong không gian, có thể nhìn thấy và chạm vào được, do con người tạo ra để sử dụng trong đời sống hằng ngày. Cách hiểu này về “đồ vật” sẽ giúp chúng tôi có thể xác định đúng các từ ngữ thuộc miền “dụng cụ nhà bếp” xuất hiện trong tục ngữ của người Việt.

## 1.2. Khái niệm và phân loại ẩn dụ ý niệm

### a. Khái niệm

“*Ẩn dụ là một công cụ tri nhận, nghĩa là nó không chỉ là một phương cách biểu thị các tư tưởng bằng ngôn ngữ mà còn là một phương cách để tư duy về các sự vật; rằng hệ thống ý niệm đời thường của chúng ta, mà trong khuôn khổ của nó chúng ta suy nghĩ và hành động, về bản chất là ẩn dụ. Các mô hình ánh xạ ẩn dụ ý niệm được miêu tả bằng công thức MIỀN ĐÍCH B LÀ MIỀN NGUỒN A*”. [9, tr.102]

### b. Phân loại ẩn dụ ý niệm

Theo Lakoff & Johnson (1980), ẩn dụ ý niệm được chia thành ba loại, đó là:

- Ẩn dụ cấu trúc là loại ẩn dụ khi nghĩa (hoặc giá trị) của một từ (hay một biểu thức) này được hiểu (được đánh giá) thông qua cấu trúc của một từ (hoặc một biểu thức) khác.

*Ví dụ:* ARGUMENT IS WAR. (TRANH LUẬN LÀ CHIẾN TRANH), trong đó WAR thuộc miền nguồn, ARGUMENT thuộc miền đích. Ý niệm WAR (CHIẾN TRANH) giúp chúng ta hiểu nghĩa của ý niệm ARGUMENT (TRANH LUẬN) [9; tr. 4].

Ẩn dụ cấu trúc có đặc điểm cấu trúc *hai không gian* được gọi là hai miền ý niệm: MIỀN NGUỒN (source domain) và MIỀN ĐÍCH (target domain). Ý niệm tại miền đích được hiểu thông qua ý niệm tại miền nguồn. Quan hệ giữa miền nguồn và miền đích là quan hệ ánh xạ, nghĩa là nội dung của ý niệm tại miền đích được ánh xạ từ ý niệm tại miền nguồn.

Ẩn dụ ý niệm miền “dụng cụ nhà bếp” trong tục ngữ của người Việt

- Ẩn dụ định hướng: Cấu trúc hoá một số miền và tạo nên một hệ thống ý niệm hoá chung cho chúng; chúng liên quan đến việc định hướng trong không gian với những đối lập kiểu như "lên-xuống", "vào-ra", "sâu-cạn", "trung tâm-ngoại vi" v.v.

*Ví dụ:* HẠNH PHÚC ĐỊNH HƯỚNG LÊN TRÊN, NỖI BUỒN ĐỊNH HƯỚNG XUỐNG DƯỚI [9; tr.15].

- Ẩn dụ bản thể: Ẩn dụ bản thể thực chất là vấn đề “vật thể hoá” những bản thể trừu tượng và vạch ranh giới của chúng trong không gian.

*Ví dụ:* TƯ DUY LÀ MỘT CỖ MÁY [9; tr. 27].

Trong ẩn dụ bản thể, tác giả lại chia thêm một loại nhỏ nữa, đó là ẩn dụ vật chứa. Vật chứa thông thường được hiểu là những thực thể vật lý bị hạn chế trong một không gian nhất định và tách biệt khỏi thế giới còn lại bởi bề mặt của nó. Mỗi con người là một vật chứa bị hạn chế bởi bề mặt của thân thể, cái vật chứa này có khả năng định hướng kiểu “trong – ngoài”. Ngôn ngữ học tri nhận cho rằng mỗi một vật chứa là một ẩn dụ tri nhận.

*Ví dụ:* KANSAS LÀ VẬT CHỨA (There ‘s a lot of land in Kansas) [9; tr. 30].

Việc phân loại này giúp chúng tôi thiết lập các mô hình ánh xạ ẩn dụ ý niệm miền “dụng cụ nhà bếp”, đặc biệt là các mô hình ánh xạ được cấu tạo từ ẩn dụ ý niệm cấu trúc.

### 1.3. Tính nghiệm thân (embodiment)

Thuật ngữ *embodiment* được Lakoff và Johnson (1999) chính thức đề cập trong công trình *Philosophy in the flesh* (Triết học trong thân xác). Theo Lakoff và Johnson, “*ý niệm của con người không phải chỉ là một phản ánh của thực tại bên ngoài mà chúng còn được tạo thành hình dạng quan trọng bởi cơ thể và bộ não của chúng ta, đặc biệt là bởi hệ thống thần kinh của chúng ta*”. Ngoài ra, hai tác giả này còn cho rằng nghiệm thân gồm hai yếu tố chính, đó là những tiếp nhận của con người với thế giới khách quan và đồng thời là sự trải nghiệm trong cuộc sống để hình thành hệ thống tư duy và nhận thức. Và ngôn ngữ được dùng để phản ánh những suy nghĩ, cách tư duy của chúng ta về thế giới khách quan mà chúng ta trải nghiệm [10; tr. 22].

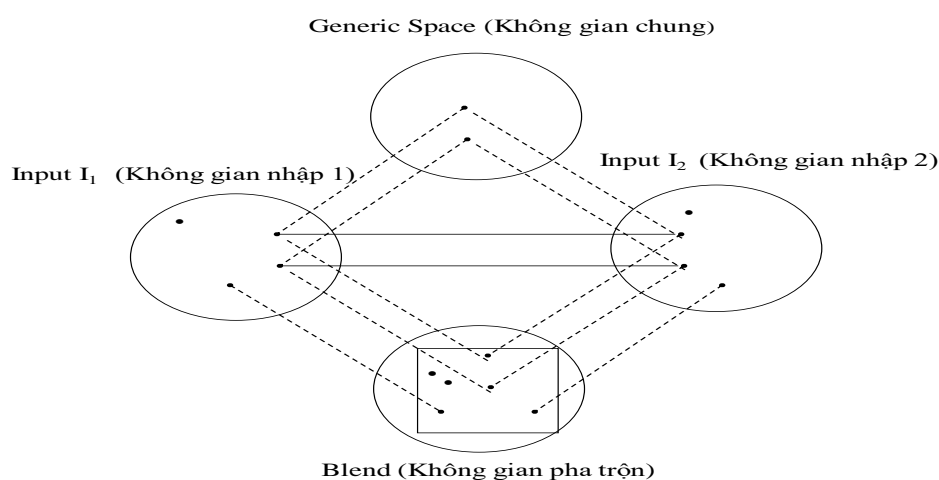
### 1.4. Pha trộn ý niệm

Các nhà nghiên cứu đã nhận thấy có những ẩn dụ ý niệm mà nếu chỉ dùng ánh xạ hai miền nguồn - đích thì không đủ lí giải một số sắc thái ý nghĩa vốn không có sẵn ở miền đích/nguồn. Fauconnier và Turner (2003) [8] đã đưa ra lí thuyết về *không gian tinh thần* (mental space) và thuyết *pha trộn ý niệm* (conceptual blending) để giải thích những trường hợp đó.

*Từ điển thuật ngữ Ngôn ngữ học tri nhận* định nghĩa “*Không gian tinh thần là các vùng không gian ý niệm có chứa các dạng thông tin đặc trưng. Chúng được cấu tạo trên cơ sở*

ngôn ngữ tổng quát, ngữ dụng và các chiến lược văn hóa để chọn lọc thông tin" [11; tr.134]. Về bản chất, không gian tinh thần tương tự như miền ý niệm trong thuyết ẩn dụ ý niệm của Lakoff. Lí thuyết này xoay quanh các không gian tinh thần với tư cách các gói ý niệm (conceptual packet). Pha trộn ý niệm hay tích hợp ý niệm (conceptual integration) là sự tích hợp của bốn không gian tinh thần (không gian chung, không gian nhập 1 – 2, không gian pha trộn) với quan hệ ánh xạ đa chiều. Một mô hình pha trộn ý niệm căn bản gồm bốn không gian tinh thần được thể hiện trong sơ đồ khái quát:

**Hình 1.** Mô hình pha trộn ý niệm



Mô hình trên đây sẽ được cụ thể hóa các thành tố tùy theo ví dụ lựa chọn, Fauconnier và Turner đã phân tích mẫu câu *"This surgeon is a butcher"* (Bác sĩ giải phẫu là tên đồ tể). Sự xuất hiện của không gian pha trộn đã giúp giải thích những ý nghĩa tiêu cực nảy sinh trong ví dụ mà ánh xạ hai miền không thể giải quyết được.

Từ mô hình cơ bản với bốn không gian tinh thần, các dạng mô hình khác cũng được đưa ra để phân tích quá trình tâm lí con người khi nhận thức về các ý niệm mới phức tạp. Hai tác giả cũng đề cập tới kiểu định danh kép *"land-yarch"* (du thuyền mặt đất) với mô hình ba không gian tinh thần (không có miền không gian chung), trong ví dụ này có những sắc thái ý nghĩa đặc thù mà không thấy được ở quan hệ ánh xạ hai miền nguồn - đích, chỉ mô hình pha trộn mới có thể lí giải. [3, tr.23-25].

Chúng ta thấy rằng, trong mô hình pha trộn ý niệm, các yếu tố nhất định được đánh dấu, làm nổi bật, tương tác và tạo thành một cấu trúc ý niệm mới trong không gian pha trộn. Thuyết pha trộn giúp giải thích những trường hợp mà ánh xạ không thể phân tích, lí giải triệt để. Bài nghiên cứu này cũng sẽ vận dụng lí thuyết pha trộn như đã nêu trên để giải quyết một vài trường hợp tiêu biểu, đáng lưu ý bên cạnh quan điểm ánh xạ.

Ẩn dụ ý niệm miền “dụng cụ nhà bếp” trong tục ngữ của người Việt

## 2. MÔ HÌNH TRI NHẬN ẨN DỤ Ý NIỆM MIỀN “DỤNG CỤ NHÀ BẾP” TRONG TỤC NGỮ CỦA NGƯỜI VIỆT

Chúng tôi đã thống kê được 86/120 câu tục ngữ tiếng Việt có chứa từ ngữ thuộc “dụng cụ nhà bếp” được người Việt sử dụng phương thức ẩn dụ ý niệm (ADYN). Phương thức này được sử dụng nhiều hơn so với phương thức hoán dụ ý niệm (HDYN) trong tục ngữ có từ ngữ chỉ “dụng cụ nhà bếp” của người Việt cho thấy đây là phương thức đã ăn sâu vào tiềm thức của người Việt và được người Việt sử dụng một cách vô thức (sử dụng thành thực đến mức nói mà không cần phải suy nghĩ) trong quá trình giao tiếp. Chúng tôi lập bảng thống kê số lượng ADYN, HDYN và các câu tục ngữ không chứa từ ngữ chỉ “dụng cụ nhà bếp” mang tính ý niệm (KHÁC) như sau:

*Bảng 1.* ADYN, HDYN và KHÁC

TT	PHÂN LOẠI	SỐ LƯỢNG	TỶ LỆ (%)
1	ẨN DỤ Ý NIỆM	86	71,6
2	HOÁN DỤ Ý NIỆM	20	16,6
3	KHÁC	14	11,8
<b>TC</b>		<b>120</b>	<b>100</b>

### 2.1. Mô hình ánh xạ ADYN miền “dụng cụ nhà bếp” trong tục ngữ của người Việt

Trong 86/120 câu tục ngữ tiếng Việt có chứa từ ngữ chỉ “đồ vật” được người Việt sử dụng phương thức ADYN, chúng tôi chia làm 3 tiểu miền nguồn khác nhau là ADYN từ ngữ thuộc miền “dụng cụ nhà bếp” (TMDCNB), chiếm tỉ lệ 65,1%; ADYN từ ngữ chỉ “đồ vật” thuộc miền trang phục (TMTP), chiếm tỉ lệ 18,6%; ADYN từ ngữ chỉ “đồ vật” thuộc miền sông nước (TMSN), chiếm tỉ lệ 16,3%. Tuy nhiên, do khuôn khổ của bài báo nên chúng tôi chỉ trình bày các mô hình ánh xạ ADYN trong tục ngữ của người Việt. Sau đây là bảng thống kê tỷ lệ xuất hiện của ba tiểu miền trên:

*Bảng 2.* Tỷ lệ xuất hiện của miền nguồn là từ ngữ TMDCNB, “đồ vật” TMTP, “đồ vật” TMSN

TT	Miền nguồn	Số lượng	Tỉ lệ (%)
1	Từ ngữ thuộc miền “dụng cụ nhà bếp”	56	65,1
2	Từ ngữ chỉ “đồ vật” thuộc miền “trang phục”	16	18,6
3	Từ ngữ chỉ “đồ vật” thuộc miền “sông nước”	14	16,3
<b>TC</b>		<b>86</b>	<b>100</b>

Trong ba miền ý niệm vừa nêu trên, chúng tôi thấy rằng, từ ngữ TMDCNB chiếm tỷ lệ cao nhất (65,1%). Miền này cũng đã ánh xạ sang các miền đích khác như: con người, kinh tế, sự việc, cụ thể như sau:

**Bảng 3.** Miền nguồn và miền đích trong ADYN từ ngữ chỉ “dụng cụ nhà bếp”

TT	Miền nguồn	Miền đích	Số lượng	Tỉ lệ(%)
1	“Dụng cụ nhà bếp”	Con người	42	74
2		Kinh tế	7	13
3		Sự việc	2	4
5		Khác	5	9
<b>TC</b>			<b>56</b>	<b>100</b>

Nhìn vào bảng thống kê trên, chúng tôi thấy rằng, miền nguồn là các từ ngữ chỉ “dụng cụ nhà bếp” đã ánh xạ sang miền đích con người là cao nhất, chiếm tỉ lệ 74%, thứ hai là miền đích kinh tế, chiếm tỉ lệ 13%, thứ ba là miền đích sự việc, chiếm tỉ lệ 2% và các miền đích khác (số lượng quá thấp, mỗi miền chỉ có một mô hình ánh xạ nên chúng tôi liệt kê vào mục khác), chiếm tỉ lệ 9 %.

Chúng ta thấy rằng, “bếp lò” tượng trưng cho sự sống chung, cho mái nhà, cho sự liên kết giữa đàn ông và đàn bà, cho tình yêu, cho tập hợp và sự giữ gìn lửa”, hay nói cách khác, “bếp lò gia đình đóng vai trò trung tâm hoặc cái rốn của thế giới trong nhiều nền văn hóa” [13, tr. 78]. Ở Việt Nam cũng vậy, từ xa xưa, “bếp lò” đã gắn bó với đời sống người dân Việt Nam trong suốt chiều dài lịch sử. Ngoài bếp lò, dụng cụ nhà bếp như: *đũa, bát, đĩa, gáo, muôi (môi), v.v* cũng rất gần gũi với người Việt. Do đó, trong suy nghĩ của người Việt, họ đã xem những “dụng cụ nhà bếp” này như là con người, vận dụng chúng vào quá trình giao tiếp. Trong các tác phẩm văn học, các nhà văn, nhà thơ đã khắc họa tính cách, tâm lý, cuộc đời con người thông qua các “dụng cụ nhà bếp”. Ngoài ra, người Việt cũng đã sử dụng các từ ngữ thuộc miền “dụng cụ nhà bếp” để ánh xạ sang các miền đích khác trong việc thể hiện ý nghĩa của tục ngữ.

Chúng tôi thiết lập mô hình ánh xạ ADYN miền “dụng cụ nhà bếp” khái quát là:

- CON NGƯỜI LÀ DỤNG CỤ NHÀ BẾP

Ví dụ: (1) “*Bè đũa chẳng bẻ được cả nắm*”; (2) “*Giỏ nhà ai quai nhà nấy*”; (3) “*Lọt sàng xuống nia*”; (4) “*Dao sắc đến đâu bỏ hoài cũng gỉ*”; (5) “*Mắt tiên mua mâm thì đâm cho thủng, mắt tiên mua thúng thì đựng cho mòn*”.

Dựa vào mô hình ánh xạ ADYN miền “dụng cụ nhà bếp” khái quát vừa nêu trên, chúng tôi thiết lập các mô hình ánh xạ cụ thể đó là:

+ THÂN PHẬN CON NGƯỜI LÀ DỤNG CỤ NHÀ BẾP

Việt Nam có nền văn hóa nông nghiệp lúa nước, một phương thức sản xuất cực kì phức tạp nên một gia đình không thể gánh vác được mà phải nhờ vào một cộng đồng người trong xã hội. Đây chính là nguyên nhân tại sao người Việt lại đề cao văn

*Ẩn dụ ý niệm miền “dụng cụ nhà bếp” trong tục ngữ của người Việt*

hóa làng xã [4, tr. 49-50]. Chính văn hóa làng xã này đã ràng buộc các cá nhân trong chằng chịt các mối quan hệ. Địa vị của con người được đánh giá chủ yếu thông qua mối tương quan giữa các cá nhân và giữa cá nhân với xã hội. Với sự năng động của các từ ngữ thuộc miền “dụng cụ nhà bếp”, quan hệ xã hội, địa vị, thân phận của con người cũng được cấu trúc lại trên cơ sở miền nguồn này.

“Dụng cụ nhà bếp” thể hiện địa vị xã hội của một người. Chẳng hạn, người Việt có thể hiểu được nghĩa của câu tục ngữ (6) “*Ăn bát Đại Thanh, nằm chiếu miến*” có nghĩa chỉ người có cuộc sống sang trọng, giàu có. Người Việt đã kết hợp hai “dụng cụ nhà bếp” sang trọng là “*bát Đại Thanh*”, gồm sứ Trung Quốc và “*chiếu miến*”, loại chiếu sợi nhỏ, tinh tế. Đối lập với “*bát Đại Thanh*” và “*chiếu miến*”, người Việt dùng “*bát mẻ*” và “*chiếu manh*” trong câu tục ngữ (7) “*Ăn bát mẻ, nằm chiếu manh*” để chỉ người có cuộc sống nghèo khổ, túng thiếu, đói kém, bần hàn.

Trong thực tế, mỗi gia đình đều có cách lựa chọn đồ dùng phù hợp, thể hiện hoàn cảnh, thân phận, địa vị của chính họ. Nhà giàu sẽ chọn các đồ dùng như: *bát Đại Thanh, bát vàng, chiếu miến, nôi đồng, mâm son*, còn nhà nghèo thì chỉ có *bát mẻ, chiếu manh, nôi đất*. Đây chính là cơ sở kinh nghiệm để người Việt tạo nên ADYN loại này.

Ngoài việc thể hiện thân phận, địa vị cá nhân trong xã hội, ADYN miền “dụng cụ nhà bếp” còn thể hiện hoàn cảnh sống của một người, đó có thể là một vị trí tương xứng, hoặc chênh lệch, phù hợp hoặc không phù hợp tạo thành ẩn dụ:

#### + HOÀN CẢNH CỦA CON NGƯỜI LÀ MỐI TƯƠNG QUAN GIỮA CÁC DỤNG CỤ NHÀ BẾP

Chúng ta thấy rằng, nôi - vung là hai vật dụng rất cần thiết trong quá trình chế biến thức ăn. Nôi bằng chất liệu gì, kích cỡ ra sao chắc chắn sẽ cần một cái vung có cùng chất liệu, đặc biệt là kích cỡ vừa khít thì cơm hoặc các món ăn khác mới ngon. Từ kinh nghiệm này trong thực tế, người Việt đã dùng hình ảnh nôi - vung để nói đến đời sống tâm lý và đời sống gia đình của con người. Trong đời sống tâm lý, những người có tính cách tương hợp sẽ chơi với nhau. Tuy nhiên, khi nói đến nôi - vung, trong tâm thức của người Việt luôn nghĩ đến đời sống hôn nhân của một cặp đôi nào đó. Họ có thể đánh giá về việc anh này có hợp với chị kia hay không, hoặc anh kia lấy chị đó là đúng rồi, chị này làm sao lại lấy anh kia được, chị kia lấy anh đó mới xứng v.v. Đây chính là cơ sở kinh nghiệm để người Việt tạo ra các biểu thức ngôn ngữ như: (9) “*Nôi méo úp vung méo*”; (10) “*Nôi tròn vung méo úp sao cho vừa*”; (11) “*Nôi nào vung ấy*”; (12) “*Nôi đồng lại úp vung đồng, nôi đất úp vung đất*”.

Bên cạnh đó, người Việt cũng sử dụng các từ ngữ TMDCNB để tạo nên ADYN:

#### + QUAN HỆ GIỮA CON NGƯỜI LÀ QUAN HỆ GIỮA CÁC DỤNG CỤ NHÀ BẾP

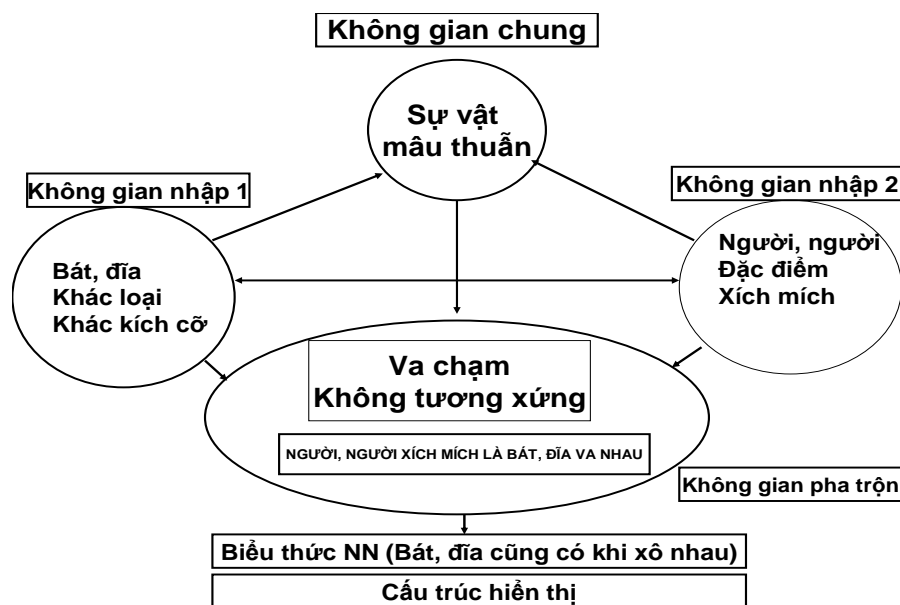


Trong ADYN loại này, người Việt đã lựa chọn các “dụng cụ nhà bếp” có mối quan hệ gần gũi nhau, thường xuyên tiếp xúc với nhau để chỉ mối quan hệ giữa người với người. Mối quan hệ đó có thể là mâu thuẫn, ví dụ: (13) "*Bát đĩa còn có khi chạm vào nhau*"; (14) "*Trêu chày, chày đập đầu*", hoặc có thể là hòa thuận, ví dụ: (15) "*Cùng ăn một mâm, cùng nằm một chiếu*".

ADYN miền “dụng cụ nhà bếp” có sự hoạt động pha trộn ý niệm theo mô hình 4 miền, thể hiện qua ví dụ (13) và (15). Dưới đây là mô hình minh họa ánh xạ ẩn dụ 4 miền trong cấu trúc “*Bát đĩa còn có khi chạm vào nhau*”.

Cấu trúc “*Bát đĩa còn có khi chạm vào nhau*” xác lập một miền không gian chung là thành tố về đối tượng (người, người/bát, đĩa) và đặc trưng của đối tượng mâu thuẫn. Không gian nhập 1 là ý niệm “*bát, đĩa*” với các đặc điểm tiêu biểu, thuộc miền “dụng cụ nhà bếp”, không gian nhập 2 là ý niệm “*người, người*” với các thành tố tương ứng. Dưới đây là mô hình không gian pha trộn thể hiện ý nghĩa ẩn dụ NGƯỜI, NGƯỜI XÍCH MÍCH LÀ BÁT ĐĨA VA NHAU.

Hình 2. Mô hình pha trộn ADYN "NGƯỜI, NGƯỜI XÍCH MÍCH LÀ BÁT ĐĨA VA NHAU"



+ PHẨM CHẤT, LÒNG DẠ CỦA CON NGƯỜI LÀ TÍNH CHẤT, CHỨC NĂNG CỦA DỤNG CỤ NHÀ BẾP

Phẩm chất là cái làm nên giá trị của một con người hay một vật [12, tr. 998]. Đồng thời, phẩm chất là tư cách của con người trong xã hội, thường chịu sự đánh giá của cộng đồng [3, tr.144]. Do đó, để nhận xét một người tốt hay xấu cần phải dựa vào kinh nghiệm giao tiếp của người đánh giá. ADYN miền “dụng cụ nhà bếp” cũng là công cụ tư duy giúp người Việt tri nhận về phẩm chất con người. Phẩm chất con người thường được cấu trúc bằng các ý niệm chỉ tính chất, chức năng của đồ dùng trong nấu

Ẩn dụ ý niệm miền “dụng cụ nhà bếp” trong tục ngữ của người Việt

nướng hoặc ăn uống. Ví dụ: đối với tục ngữ (17) “Nhà nát, **bát vàng**”, người Việt có thể hiểu được nghĩa của tục ngữ này trong sự đối lập giữa *nhà nát* và *bát vàng*. Sự lựa chọn đồ dùng sẽ phụ thuộc vào hoàn cảnh gia đình như đã trình bày ở trên, do đó ý niệm “*nhà nát*” có nghĩa chỉ cuộc sống nghèo khó, túng thiếu nên chắc chắn nhà đó không sử dụng được “*bát*” với chất liệu bằng “*vàng*”. Vì vậy, “*bát vàng*” ở đây sẽ chỉ “*tâm lòng tốt*” của một người. Các biểu thức ngôn ngữ khác cũng chỉ phẩm chất, lòng dạ con người như: (18) “*Lỗ miệng thì nói nam mô, trong lòng thì đựng ba **bồ dao găm***”; (19) “*Ăn không biết trở **đầu đũa***”. Ánh xạ của ẩn dụ này được kích hoạt trên cơ sở các tri thức về đồ dùng, kinh nghiệm vật lí và những trải nghiệm tinh thần của con người khi tiếp xúc với những tính cách, phẩm chất khác nhau trong xã hội.

#### + HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI CỦA CON NGƯỜI LÀ HOẠT ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN DỤNG CỤ NHÀ BẾP

Hoạt động xã hội của con người là sự tương tác giữa các cá nhân trong môi trường sống, tiến hành theo những quy trình nhất định để đạt được những mục đích đã đặt ra [3, tr.137]. Do đó, để biểu thị ứng xử trong hoạt động liên quan đến “dụng cụ nhà bếp”, chúng ta có ADYN miền “dụng cụ nhà bếp” thành phần trong ý niệm này là **ỨNG XỬ TRONG HOẠT ĐỘNG LÀ THAO TÁC SỬ DỤNG DỤNG CỤ NHÀ BẾP**, ví dụ: (20) “*Hồng **nồi** vợ **rẻ***”; (21) “*Thừa **bát** gạt xuống **mâm***”.

Chúng tôi thiết lập mô hình ánh xạ ADYN CON NGƯỜI LÀ DỤNG CỤ NHÀ BẾP như sau:

Hình 3. Mô hình ánh xạ ADYN CON NGƯỜI LÀ DỤNG CỤ NHÀ BẾP

Miền đích: CON NGƯỜI	>>>>>>	Miền nguồn: DỤNG CỤ NHÀ BẾP
- Bộ phận cơ thể người	>>>>>>	- Các bộ phận “dụng cụ nhà bếp”
- Thân phận	>>>>>>	- Tính chất
- Quan hệ gia đình	>>>>>>	- Quan hệ cùng loại
- Quan hệ xã hội	>>>>>>	- Quan hệ khác loại
- Phẩm chất	>>>>>>	- Chất liệu
- Hoạt động xã hội	>>>>>>	- Hoạt động liên quan đến “dụng cụ nhà bếp”

Kích cỡ của “dụng cụ nhà bếp” phần lớn là rất nhỏ, tùy từng trường hợp mà chúng được xem là vật quý như: *nồi đồng, mâm sơn, bát Đại Thanh, v.v* hay không đáng giá nhiều như: *nồi đất, bát mẻ, đũa mốc, v.v* nhưng nhìn chung chúng đều được xem như là một thứ tài sản, của cải. Trong nhận thức của người Việt, chúng còn đại diện cho của cải, vật chất (hoàn cảnh kinh tế) nói chung của con người hay của một gia đình. Đó chính là cơ sở của ADYN HOÀN CẢNH KINH TẾ LÀ TRẠNG THÁI, CHẤT LIỆU CỦA NỒI (CƠM).

Chúng ta thấy rằng "nồi", đặc biệt là "nồi cơm" đóng vai trò quan trọng trong bữa cơm của người Việt. Theo tác giả Phan Cẩm Thượng (2015), "một mâm cơm của người Việt gồm nồi cơm to, bát muôi rang, nước mắm tự chế từ cua, rổ rau luộc gắp ra đĩa, niêu cá kho nếu có" [7, tr. 272]. Như vậy, "cái nồi" nuôi sống họ mỗi ngày đã trở thành "cái nôi" với ý niệm thuộc miền kinh tế. Đây là cơ sở kinh nghiệm để người Việt nói: (22) "Ai đây **nồi** ấy"; (23) "Xấu mặt **chặt nồi**"; (24) "Hay chữ, **giữ nồi cơm**". Bên cạnh đó, chất liệu của "nồi" cũng thể hiện hoàn cảnh kinh tế của gia đình đó, ví dụ: (25) "Nghèo nhưng **nồi đồng**".

**Hình 4.** Mô hình ảnh xạ ADYN HOÀN CẢNH KINH TẾ LÀ TRẠNG THÁI, CHẤT LIỆU CỦA NỒI (COM)

**Miền đích: HOÀN CẢNH KINH TẾ >> Miền nguồn: TRẠNG THÁI, CHẤT LIỆU CỦA NỒI (COM)**

- |                     |    |                     |
|---------------------|----|---------------------|
| - Có kinh tế        | >> | - Có nồi cơm        |
| - Giàu              | >> | - Đầy nồi, nồi đồng |
| - Nghèo             | >> | - Voi nồi, nồi đất  |
| - Kinh tế vững vàng | >> | - Chặt nồi          |
| - Giữ kinh tế       | >> | - Giữ nồi           |

- TRẠNG THÁI CỦA SỰ VIỆC LÀ TRẠNG THÁI CỦA DỤNG CỤ NHÀ BẾP

Trong loại ADYN này, người Việt chủ yếu sử dụng "bát" làm miền nguồn để ánh xạ sang miền đích là sự việc. "Bát" là một vật dụng không thể thiếu trong đời sống của những người dân phương Đông nói chung và đối với người dân Việt Nam nói riêng, đó là một nét văn hóa không thể thay đổi trong sinh hoạt hằng ngày. Những điều kiêng kỵ trong việc sử dụng bát của người Việt Nam cũng rất nhiều, trong đó có kỵ việc ăn "bát mẻ" hoặc làm bát bị mẻ. Do đó, nếu con trẻ trong gia đình vô ý làm vỡ/mẻ bát thì có thể sẽ bị cha mẹ trách mắng, hoặc đánh đòn. Đây chính là cơ sở để người Việt dùng "bát mẻ" biểu thị sự việc đã xảy ra như trong ví dụ (26) "**Bát mẻ đánh con sao đành**". Ngoài ra, theo quan niệm của người phương Đông, bắt luận là mới hay cũ, chiếc bát đều tượng trưng cho "công ăn việc làm" của gia chủ. Vì vậy, người Việt có thể dễ dàng hiểu được nghĩa của tục ngữ (27) "**Tham miếng bỏ bát**" là tham việc nhỏ, bỏ đi việc lớn cần phải làm, trong sự đối lập giữa "miếng" (miếng thịt, cá, v.v nhỏ hơn bát) và "bát" (chứa miếng thịt, cá, v.v).

### III. KẾT LUẬN

Như vậy, từ việc nghiên cứu đề tài "*Ảnh dụ ý niệm miền "dụng cụ nhà bếp" trong tục ngữ của người Việt*", chúng tôi đã tìm ra tám mô hình ảnh dụ ý niệm miền "dụng cụ nhà bếp" được người Việt sử dụng trong việc tạo nên nghĩa của tục ngữ, đồng thời chỉ

*Ảnh dụ ý niệm miền “dụng cụ nhà bếp” trong tục ngữ của người Việt*

ra mối quan hệ giữa ngôn ngữ học tri nhận với đặc điểm tư duy, văn hóa, xã hội của người Việt. Kết quả nghiên cứu của bài viết cũng đã bước đầu phác họa được bức tranh ngôn ngữ thế giới về từ ngữ chỉ “dụng cụ nhà bếp” trong tục ngữ của người Việt. Hy vọng, kết quả nghiên cứu này sẽ là tư liệu bổ ích cho những ai đang học tập, nghiên cứu tục ngữ của người Việt.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Mạc Diễm Điền (2013), *So sánh đôi chiều đặc trưng ngôn ngữ văn hóa yếu tố chỉ đồ vật trong thành ngữ tiếng Hán và tiếng Việt*, Luận Văn Thạc sĩ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Hà Nội.
- [2]. Dirk Geeraerts (Phạm Văn Lam dịch) (2010), *Các lý thuyết Ngữ nghĩa học từ vựng*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- [3]. Nguyễn Thị Bích Hợp (2015), *Ảnh dụ ý niệm miền “đồ ăn” trong tiếng Việt*, Luận án Tiến sĩ, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Hà Nội.
- [4]. [Phan Ngọc (2015), *Bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nxb Văn học, Hà Nội.
- [5]. Trịnh Sâm (2013), “Miền ý niệm sông nước trong tri nhận của người Nam Bộ”, *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh*.
- [6]. Đồng Thủy Thảo (2017), “Ảnh dụ ý niệm trong bài thơ Tràng Giang của Hy Cận”, *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*.
- [7]. Phan Cẩm Thượng (2016), *Văn minh vật chất của người Việt*, Nxb Tri thức, Hà Nội.
- [8]. G. Fauconnier – M. Turner. 2003, *The Way We Think: Conceptual Blending and the Mind's Hidden Complexities*, New York, Basic Book.
- [9]. G. Lakoff – M. Johnson. 1980, *Metaphors we Live by*, Chicago. University of Chicago Press.
- [10]. G. Lakoff - M. Johnson . 1999, *Philosophy in the Flesh. The Embodied Mind and its Challenge to Western Thought*, New York, Basic Books.
- [11]. V. Evans. 2007, *A Glossary of Cognitive Linguistics*, Edinburg University Press.
- [12]. Hoàng Khê (2014), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng, Đà Nẵng.
- [13]. Chevalier, J. (2002), *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới*. Nxb Đà Nẵng, Đà Nẵng.
- [14]. Oxford Idioms Dictionary for learners of English, 2006, Oxford University Press.
- [15]. Nguyễn Xuân Kính và cộng sự (2002), *Kho tàng tục ngữ người Việt (Tập 1)*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
- [16]. Nguyễn Xuân Kính và cộng sự (2002), *Kho tàng tục ngữ người Việt (Tập 2)*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

## CONCEPTUAL METAPHOR IN VIETNAMESE PROVERBS WITH THE "KITCHEN TOOLS" DOMAIN

**Lieu Thi Thanh Nhan**

Faculty of Vietnamese Studies, University of Foreign Languages, Hue University

Email: lieuthithanhnhan@gmail.com

### ABSTRACT

Throughout surveying and analyzing proverbs involving the words of "kitchen tools" in Vietnamese, we applied the theory of conceptual metaphor in cognitive linguistics to establish eight kinds of metaphoric models with the words for "kitchen tools". The result of the survey showed that proverbs with the words of this type of Vietnamese mapped to some different target domains. We also indicated the interrelationship between cognitive linguistics and traditional cultural, social characteristics of Vietnamese.

**Keywords:** cognitive linguistics, conceptual metaphor, kitchen tools, proverbs.



**Lieu Thi Thanh Nhan** sinh ngày 16/04/1984 tại Thành phố Huế. Năm 2006, bà tốt nghiệp cử nhân chuyên ngành tiếng Trung tại Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế. Năm 2011, bà tốt nghiệp thạc sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ học tại Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế. Năm 2019, bà tốt nghiệp Tiến sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ học tại Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế. Từ năm 2006 đến nay, bà giảng dạy tại Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế.

*Lĩnh vực nghiên cứu:* Ngôn ngữ học, Hán ngữ.

